

**BIỂU 2**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG 11 THÁNG ĐẦU NĂM 2022**  
*(Kèm theo Báo cáo số /BC-SKHĐT ngày tháng năm 2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư)*

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh giữa năm 2022								Thực hiện giải ngân 11 tháng đầu năm 2022			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:							Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ	
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA				
	<b>Tổng số</b>	<b>7.481.382</b>	<b>1.284.116</b>	<b>507.840</b>	<b>4.738.326</b>	<b>833.600</b>	<b>30.000</b>	<b>18.600</b>	<b>68.900</b>	<b>4.161.118</b>	<b>4.266.213</b>	<b>57,0</b>	
<b>A</b>	<b>Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố</b>	<b>3.820.558</b>	<b>269.595</b>	<b>363.343</b>	<b>2.888.514</b>	<b>299.106</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.541.255</b>	<b>1.668.407</b>	<b>43,7</b>	<b>Phụ lục 2.1</b>
<b>1</b>	<b>Thành phố Đồng Xoài</b>	<b>156.819</b>	<b>19</b>	<b>29.400</b>	<b>127.400</b>	<b>-</b>				<b>74.784</b>	<b>74.784</b>	<b>47,7</b>	
	Trong đó:	-											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	38.220			38.220								
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM												
	Chương trình giảm nghèo bền vững	19	19										
<b>2</b>	<b>Thị xã Bình Long</b>	<b>782.933</b>	<b>3.014</b>	<b>25.095</b>	<b>740.824</b>	<b>14.000</b>				<b>92.007</b>	<b>92.007</b>	<b>11,8</b>	
	Trong đó:	-											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	220.147			220.147								
	Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 30 phòng học)	21.000			7.000	14.000							
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	3.000	3.000							2.242	2.242		
	Chương trình giảm nghèo bền vững	14	14										
<b>3</b>	<b>Thị xã Phước Long</b>	<b>366.651</b>	<b>3.016</b>	<b>22.575</b>	<b>327.060</b>	<b>14.000</b>				<b>88.375</b>	<b>88.375</b>	<b>24,1</b>	
	Trong đó:												
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	94.668			94.668								
	Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 30 phòng học)	21.000			7.000	14.000				17.490	17.490		
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	7.500	3.000		4.500					1.172	1.172		
	Chương trình giảm nghèo bền vững	16	16										
<b>4</b>	<b>Huyện Đồng Phú</b>	<b>189.078</b>	<b>20</b>	<b>31.500</b>	<b>133.600</b>	<b>23.958</b>				<b>103.698</b>	<b>103.698</b>	<b>54,8</b>	
	Trong đó:												
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	35.280			35.280								
	Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 30 phòng học)	21.000			7.000	14.000				12.975	12.975		
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	18.958			9.000	9.958				5.259	5.259		
	Chương trình giảm nghèo bền vững	20	20										
<b>5</b>	<b>Huyện Bù Đăng</b>	<b>317.315</b>	<b>39.806</b>	<b>51.355</b>	<b>156.395</b>	<b>69.759</b>				<b>163.749</b>	<b>179.747</b>	<b>56,6</b>	
	Trong đó:	-											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	25.872			25.872								
	Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 100 phòng học)	70.000			29.500	40.500				52.107	52.107		
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	91.471	23.212		39.000	29.259				25.307	25.307		
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	18.207	16.552		1.655								
	Chương trình giảm nghèo bền vững	19.897	42	19.855						17.687	17.687		
<b>6</b>	<b>Huyện Bù Gia Mập</b>	<b>271.066,5</b>	<b>70.737</b>	<b>46.524</b>	<b>126.096</b>	<b>27.710</b>				<b>105.797</b>	<b>136.921</b>	<b>50,5</b>	
	Trong đó:	-											
	Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%	31.164			31.164					-			
	Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu (xây dựng 30 phòng học)	21.000			7.000	14.000				19.357	19.357		
	Chương trình mục tiêu quốc gia NTM	34.227	11.517		9.000	13.710				12.952	12.952		



STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh giữa năm 2022								Thực hiện giải ngân 11 tháng đầu năm 2022			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:							Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ	
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA				
	Trả nợ vay ODA (Dự án Minh Lập - Lộc Hiệp)	16.640			16.640								
<b>II</b>	<b>Ban QLDA ĐTXD tỉnh</b>	<b>1.664.704</b>	<b>696.800</b>	-	<b>626.180</b>	<b>254.224</b>	-	<b>18.600</b>	<b>68.900</b>	<b>1.074.758</b>	<b>1.074.758</b>	<b>65</b>	
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>1.275.330</b>	<b>696.800</b>	-	<b>406.730</b>	<b>84.300</b>	-	<b>18.600</b>	<b>68.900</b>	<b>731.123</b>	<b>731.123</b>	<b>57</b>	
1	Xây dựng đường kết nối các KCN phía Tây Nam thành phố Đồng Xoài	71.800	71.800							5.084	5.084		
2	Đường phía Tây QL 13 đoạn Chơn Thành - Hoa Lư tỉnh Bình Phước	500.000	500.000							237.406	237.406		
3	Nâng cấp, mở rộng QL 13 đoạn từ ngã ba Lộc Tấn đến cửa khẩu quốc tế Hoa Lư	125.000	125.000							25.187	25.187		
4	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	34.330			34.330					29.220	29.220		
5	Xây dựng cầu dân sinh	46.000			46.000					45.389	45.389		
6	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	25.000			25.000					14.057	14.057		
7	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc Tỉnh lỵ	2.300			2.300					2.224	2.224		
8	Xây dựng tuyến kết nối ĐT.753B với đường Đồng Phú - Bình Dương (đoạn Lam Sơn - Tân Phước)	34.000			34.000					34.000	34.000		
9	Xây dựng đường kết nối ngang QL14 kéo dài ĐT 755 nối ĐT 753	30.000			30.000					30.000	30.000		
10	Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Bình Phước	119.500			32.000			18.600	68.900	90.197	90.197		
11	Nâng cấp ĐT 741 đoạn từ cầu Thác Mạ đến QL14C	12.000			12.000					-			
12	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Minh Hưng - Đồng Nơ (3 hạng mục phát sinh, gồm: điện chiếu sáng công cộng, đường dây 22KVA và trạm biến áp, trồng cây sao đen hai bên đường)	14.800			14.800					14.492	14.492		
13	Xây dựng đường Đồng Hữu - Bàu Năm, huyện Chơn Thành (Kết nối các tuyến đường Minh Thành-Bàu Năm)	19.000			19.000					6.406	6.406		
14	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II)	30.000			30.000					29.552	29.552		
15	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp Chơn Thành II	25.000			25.000					25.000	25.000		
16	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	11.100			11.100					3.398	3.398		
17	Xây dựng mương, cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	20.000			20.000					8.156	8.156		
18	Trường Cao đẳng Bình Phước	30.000				30.000				30.000	30.000		
19	Xây dựng khối phòng học, thư viện-trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT Đồng Xoài	20.000				20.000				18.789	18.789		
20	Xây dựng Trường THPT Phú Riêng	30.000				30.000				30.000	30.000		
21	Xây dựng và mua sắm trang thiết bị bệnh viện y học cổ truyền tỉnh (giai đoạn II)	4.300				4.300				2.720	2.720		

STT	Dan h mục dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh giữa năm 2022							Thực hiện giải ngân 11 tháng đầu năm 2022			Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó:						Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ		
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương					ODA
22	Xây dựng Nhà thi đấu đa năng tỉnh Bình Phước	71.200			71.200					49.846	49.846		
	<b>Dự án khởi công mới</b>	<b>382.168</b>	-	-	<b>214.768</b>	<b>167.400</b>	-	-	-	<b>336.488</b>	<b>336.488</b>	<b>88</b>	
23	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	33.769			33.769					12.795	12.795		
24	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bàu Bàng	48.999			48.999					48.362	48.362		
25	Xây dựng đường vành đai Suối Cam 1,2 kết nối QL14	50.000			50.000					50.000	50.000		
26	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 kết nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập (đoạn từ dốc Cùi Chỏ qua TTHC huyện Bù Gia Mập tới giáp QL 14C)	40.000			40.000					40.000	40.000		
27	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng III mở rộng	15.000			15.000					15.000	15.000		
28	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	9.000			9.000					9.000	9.000		
29	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc kéo dài	9.000			9.000					9.000	9.000		
30	Xây dựng nối tiếp mương thoát nước ngoài hàng rào Khu công nghiệp Đồng Xoài III (Đoạn Suối Dinh - Khu CN Đồng Xoài II)	9.000			9.000					9.000	9.000		
31	Dự án kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ	20.000				20.000				16.667	16.667		
32	Nâng cấp trung tâm y tế thị xã Phước Long	25.000				25.000				14.980	14.980		
33	Nâng cấp trung tâm y tế huyện Lộc Ninh	25.000				25.000				15.767	15.767		
34	Xây dựng cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	34.500				34.500				34.500	34.500		
35	Xây dựng Khu cách ly tập trung và Bệnh viện dã chiến tuyến tỉnh điều trị Covid-19	32.900				32.900				31.831	31.831		
36	Xây dựng Bệnh viện dã chiến K72	30.000				30.000				29.586	29.586		
	<b>Tất toán các công trình quyết toán</b>	<b>7.206</b>	-	-	<b>4.682</b>	<b>2.524</b>	-	-	-	<b>7.147</b>	<b>7.147</b>	<b>99</b>	
37	Dự án Phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2 (khoản vay chính sách) tỉnh Bình Phước	7			7					6	6		
38	Xây dựng hàng rào khu căn cứ Bộ chỉ huy miền tà thiết (giai đoạn 2)	91			91					40	40		
39	Kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa theo Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính Phủ	573				573				572	572		
40	Trường phổ thông Dân tộc nội trú THCS huyện Bù Đốp	1.985			1.985					1.980	1.980		
41	Trường THPT Thanh Hòa, huyện Bù Đốp	2.501			2.501					2.501	2.501		
42	Xây dựng mương thoát nước ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico	98			98					98	98		

STT	Dan h mục dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh giữa năm 2022							Thực hiện giải ngân 11 tháng đầu năm 2022			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:						Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ	
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương				
43	Sửa chữa đường trục chính khu công nghiệp Chơn Thành, huyện Chơn Thành	687				687				686	686	
44	Xây dựng đường giao thông và công viên khu di tích lịch sử căn cứ Bộ chỉ huy Miền Tả Thiết	1.264				1.264				1.264	1.264	
<b>III</b>	<b>Thành phố Đồng Xoài</b>	<b>122.189</b>	<b>30.000</b>	<b>29.000</b>	<b>63.189</b>	-	-	-	-	<b>87.571</b>	<b>87.571</b>	<b>71,7</b>
	<b>Dự án khởi chuyển tiếp</b>	<b>67.000</b>	<b>30.000</b>	<b>29.000</b>	<b>8.000</b>	-	-	-	-	<b>37.876</b>	<b>37.876</b>	<b>56,5</b>
1	Xử lý cấp bách dự án thoát lũ suối Đá, thành phố Đồng Xoài	30.000	30.000							13.982	13.982	
2	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	29.000		29.000						16.108	16.108	
3	Xây dựng đường Lý Thường Kiệt nối dài (đoạn từ đường Phú Riêng Đò đến đường Nguyễn Huệ, phường Tân Đông)	8.000			8.000					7.786	7.786	
	<b>Dự án khởi công mới</b>	<b>55.000</b>	-	-	<b>55.000</b>	-	-	-	-	<b>49.507</b>	<b>49.507</b>	<b>90,0</b>
4	Đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	10.000			10.000					4.507	4.507	
5	Xây dựng đường vào trại giam An Phước	45.000			45.000					45.000	45.000	
	<b>Tất toán các công trình quyết toán</b>	<b>189</b>	-	-	<b>189</b>	-	-	-	-	<b>188</b>	<b>188</b>	<b>99,5</b>
6	Trường Mầm non Hòa Mĩ, thị xã Đồng Xoài, (giai đoạn 2)	189			189					188	188	
<b>IV</b>	<b>Thị xã Phước Long</b>	<b>89.500</b>	-	-	<b>89.500</b>	-	-	-	-	<b>78.337</b>	<b>78.337</b>	<b>87,5</b>
	<b>Dự án khởi chuyển tiếp</b>	<b>42.500</b>	-	-	<b>42.500</b>	-	-	-	-	<b>31.655</b>	<b>31.655</b>	<b>74,5</b>
1	Nâng cấp, mở rộng đường kết nối từ trung tâm Long Giang đến Long Phước	10.500			10.500					4.677	4.677	
2	Xây dựng đường và cải tạo lòng hồ Long Thủy, thị xã Phước Long	32.000			32.000					26.978	26.978	
	<b>Dự án khởi công mới</b>	<b>47.000</b>	-	-	<b>47.000</b>	-	-	-	-	<b>46.682</b>	<b>46.682</b>	<b>99,3</b>
3	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé ( nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	15.000			15.000					14.969	14.969	
4	Xây dựng đường từ ĐT 759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	10.000			10.000					9.805	9.805	
5	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	12.000			12.000					11.909	11.909	
6	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	10.000			10.000					9.999	9.999	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh giữa năm 2022								Thực hiện giải ngân 11 tháng đầu năm 2022			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:							Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ	
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA				
<b>V</b>	<b>Thị xã Bình Long</b>	<b>103.700</b>	-	-	<b>68.700</b>	<b>35.000</b>	-	-	-	<b>80.309</b>	<b>80.309</b>	<b>77,4</b>	
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>73.700</b>	-	-	<b>38.700</b>	<b>35.000</b>	-	-	-	<b>50.723</b>	<b>50.723</b>	<b>68,8</b>	
1	Xây dựng đường ĐT.752 nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	38.700			38.700					32.700	32.700		
2	Xây dựng trường THPT Bình Long	35.000				35.000				18.023	18.023		
	<b>Dự án khởi công mới</b>	<b>30.000</b>	-	-	<b>30.000</b>	-	-	-	-	<b>29.586</b>	<b>29.586</b>	<b>98,6</b>	
3	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	30.000			30.000					29.586	29.586		
<b>VI</b>	<b>Thị xã Chơn Thành</b>	<b>124.602</b>	-	-	<b>116.000</b>	<b>8.602</b>	-	-	-	<b>140.093</b>	<b>104.093</b>	<b>83,5</b>	
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>46.000</b>	-	-	<b>46.000</b>	-	-	-	-	<b>72.000</b>	<b>36.000</b>	<b>78,3</b>	
1	Hỗ trợ Xây dựng tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	10.000			10.000					-			
2	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào Cụm công nghiệp và Khu nông nghiệp công nghệ cao Nha Bích	36.000			36.000					36.000	36.000		
	<b>Dự án khởi công mới</b>	<b>70.000</b>	-	-	<b>70.000</b>	-	-	-	-	<b>59.507</b>	<b>59.507</b>	<b>85,0</b>	
3	Xây dựng đường từ Trung tâm hành chính huyện Chơn thành đi xã Quang Minh kết nối KCN Becamex	30.000			30.000					29.811	29.811		
4	Xây dựng Đường Nguyễn Văn Linh nối dài (từ QL14 nối với quy hoạch dự án Becamex - Bình Phước)	10.000			10.000					516	516		
5	Xây dựng đường liên xã Nha Bích - Minh Thắng	30.000			30.000					29.180	29.180		
	<b>Tất toán các công trình quyết toán</b>	<b>8.602</b>	-	-	-	<b>8.602</b>	-	-	-	<b>8.586</b>	<b>8.586</b>	<b>100</b>	
6	Trường cấp 2,3 Minh Hưng, huyện Chơn Thành	6.717				6.717				6.709	6.709		
7	Trường mầm non Minh Thành, huyện Chơn Thành	1.885				1.885				1.877	1.877		
<b>VII</b>	<b>Huyện Hớn Quản</b>	<b>151.384</b>	<b>70.000</b>	-	<b>71.384</b>	<b>10.000</b>	-	-	-	<b>126.187</b>	<b>126.187</b>	<b>83,4</b>	
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>59.000</b>	-	-	<b>59.000</b>	-	-	-	-	<b>44.090</b>	<b>44.090</b>	<b>74,7</b>	
1	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	25.000			25.000					25.000	25.000		
2	Xây dựng đường liên xã Phước An đi Tân Hưng và Tân Quan	20.000			20.000					18.691	18.691		
3	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan huyện Hớn Quản	9.000			9.000					399	399		
4	Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã An Khương, huyện Hớn Quản	5.000			5.000					-			
	<b>Dự án khởi công mới</b>	<b>92.000</b>	<b>70.000</b>	-	<b>12.000</b>	<b>10.000</b>	-	-	-	<b>81.832</b>	<b>81.832</b>	<b>89</b>	
5	Nâng cấp, mở rộng đường từ khu công nghiệp Việt Kiều kết nối với khu công nghiệp Minh Hưng Sikico huyện Hớn Quản	70.000	70.000							61.438	61.438		

STT	Dan h mục dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh giữa năm 2022								Thực hiện giải ngân 11 tháng đầu năm 2022			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:							Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ	
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA				
6	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quản	12.000			12.000					11.595	11.595		
7	Xây dựng trường mầm non Đồng Nơ (phục vụ KCN Minh Hưng - Sikico)	10.000				10.000				8.799	8.799		
	<b>Tất toán các công trình quyết toán</b>	<b>384</b>	-	-	<b>384</b>	-	-	-	-	<b>265</b>	<b>265</b>	<b>69</b>	
8	Bệnh viện Đa khoa huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	384			384					265	265		
<b>VIII</b>	<b>Huyện Đồng Phú</b>	<b>194.291</b>	<b>100.000</b>	-	<b>81.891</b>	<b>12.400</b>	-	-	-	<b>193.994</b>	<b>193.994</b>	<b>99,8</b>	
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>80.300</b>	-	-	<b>80.300</b>	-	-	-	-	<b>80.300</b>	<b>80.300</b>	<b>100,0</b>	
1	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và khu dân cư Đồng Phú	12.000			12.000					12.000	12.000		
2	Nâng cấp đường nối trung tâm xã Tân Phước-Đồng Tiến-Đồng Tâm huyện Đồng Phú	27.750			27.750					27.750	27.750		
3	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	10.550			10.550					10.550	10.550		
4	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	30.000			30.000					30.000	30.000		
	<b>Dự án khởi công mới</b>	<b>112.400</b>	<b>100.000</b>	-	-	<b>12.400</b>	-	-	-	<b>112.119</b>	<b>112.119</b>	<b>100</b>	
5	Xây dựng tuyến đường từ khu quy hoạch trung tâm hành chính xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú kết nối với khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	100.000	100.000							100.000	100.000		
6	Xây dựng trường mầm non Tân Lập	12.400				12.400				12.119	12.119		
	<b>Tất toán các công trình quyết toán</b>	<b>1.591</b>	-	-	<b>1.591</b>	-	-	-	-	<b>1.575</b>	<b>1.575</b>		
7	Trường Mầm non Hoa Hồng, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú	1.591			1.591					1.575	1.575		
<b>IX</b>	<b>Huyện Bù Đăng</b>	<b>88.000</b>	-	-	<b>71.000</b>	<b>17.000</b>	-	-	-	<b>88.805</b>	<b>88.805</b>	<b>101</b>	
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>85.000</b>	-	-	<b>69.000</b>	<b>16.000</b>	-	-	-	<b>84.626</b>	<b>84.626</b>	<b>100</b>	
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL.14 đi xã Đăk Nhau	9.000			9.000					9.000	9.000		
2	Xây dựng đường từ QL14 xã Đức Liễu đi ĐT755 xã Thống Nhất	30.000			30.000					30.000	30.000		
3	Xây dựng đường liên xã Phước Sơn đi Đồng Nai, huyện Bù Đăng (kết nối đường Vườn Chuối - Bù Lạch)	30.000			30.000					29.263	29.263		
4	Xây dựng Khối hiệu bộ và nhà đa năng Trường THPT Lê Quý Đôn	1.500				1.500				1.500	1.500		

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh giữa năm 2022								Thực hiện giải ngân 11 tháng đầu năm 2022			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:							Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ	
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	ODA				
5	Xây dựng 10 phòng học và nhà đa năng THPT Lương Thế Vinh	2.500				2.500				1.962	1.962		
6	Xây dựng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Đường 10, huyện Bù Đăng	5.000				5.000				7.884	7.884		
7	Xây dựng Trường mẫu giáo Sơn Ca xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng	7.000				7.000				5.017	5.017		
	<b>Dự án khởi công mới</b>	<b>3.000</b>	-	-	<b>2.000</b>	<b>1.000</b>	-	-	-	<b>4.179</b>	<b>4.179</b>	<b>139</b>	
8	Xây dựng đường liên xã Đồng Nai đi xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	2.000			2.000					284	284		
9	Trường mẫu giáo Hoa Phương xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng	1.000				1.000				3.895	3.895		
<b>X</b>	<b>Huyện Lộc Ninh</b>	<b>139.600</b>	<b>50.000</b>	-	<b>53.100</b>	<b>36.500</b>	-	-	-	<b>128.339</b>	<b>128.339</b>	<b>91,9</b>	
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>71.900</b>	-	-	<b>44.400</b>	<b>27.500</b>	-	-	-	<b>67.803</b>	<b>67.803</b>	<b>94,3</b>	
1	Nâng cấp đường 13B từ ngã ba Chiu Riu đến các dự án điện năng lượng mặt trời và nhánh rẽ X16	21.000			21.000					20.865	20.865		
2	Đường tránh QL 13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh huyện Lộc Ninh	23.400			23.400					23.400	23.400		
3	Xây dựng Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS	20.000				20.000				20.000	20.000		
4	Xây dựng 12 phòng học và nhà đa năng THPT Lộc Hiệp	7.500				7.500				3.538	3.538		
	<b>Dự án khởi công mới</b>	<b>67.700</b>	<b>50.000</b>	-	<b>8.700</b>	<b>9.000</b>	-	-	-	<b>60.536</b>	<b>60.536</b>	<b>89</b>	
5	Xây dựng đường và kè suối Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh (đoạn từ cầu Chế Biên đi cầu Đò xã Lộc Điền)	50.000	50.000							45.647	45.647		
6	Xây dựng đường liên xã Lộc Điền - Lộc Khánh kết nối QL13	4.000			4.000					3.905	3.905		
7	Xây dựng đường liên xã Lộc Thái - Lộc Khánh kết nối QL13	1.700			1.700					1.700	1.700		
8	Xây dựng đường liên xã Lộc Thiện - Lộc Thành kết nối QL13	3.000			3.000					3.000	3.000		
9	Xây dựng Trường mẫu giáo xã Lộc Hưng	9.000				9.000				<b>6.284</b>	6.284		
<b>XI</b>	<b>Huyện Bù Đốp</b>	<b>114.064</b>	-	-	<b>79.064</b>	<b>35.000</b>	-	-	-	<b>78.288</b>	<b>78.288</b>	<b>68,6</b>	
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>25.000</b>	-	-	<b>10.000</b>	<b>15.000</b>	-	-	-	<b>19.484</b>	<b>19.484</b>	<b>77,9</b>	
1	Nâng cấp đường ĐT.759B đoạn từ chợ Tân Thành đi Cửa khẩu Cầu Trắng	10.000			10.000					8.712	8.712		
2	Xây dựng Khối hiệu bộ, khối bộ môn, nhà đa năng Trường THPT Tân Tiến	15.000				15.000				10.772	10.772		
	<b>Dự án khởi công mới</b>	<b>89.000</b>	-	-	<b>69.000</b>	<b>20.000</b>	-	-	-	<b>58.741</b>	<b>58.741</b>	<b>66</b>	
3	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đi trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	12.000			12.000					11.967	11.967		
4	Xây dựng đường tránh trung tâm hành chính huyện Bù Đốp	15.000			15.000					13.310	13.310		
5	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đoạn từ đôn biên phòng 789 đi sông Măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu	10.000			10.000					1.889	1.889		
6	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	15.000			15.000					1.208	1.208		



STT	Dan h mục dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh giữa năm 2022							Thực hiện giải ngân 11 tháng đầu năm 2022			Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó:						Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ		
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương					ODA
7	Xây dựng hệ thống kênh dẫn 6 km sử dụng nước sau thủy điện Cần Đơn cho cánh đồng Sóc Nê, xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp	17.000			17.000					13.512	13.512		
8	Xây dựng trường mầm non Phước Thiện	10.000				10.000				7.628	7.628		
9	Xây dựng trường TH Thanh Bình B	10.000				10.000				9.227	9.227		
	<b>Tất toán các công trình quyết toán</b>	<b>64</b>	-	-	<b>64</b>	-	-	-	-	<b>63</b>	<b>63</b>		
10	Trường Mẫu giáo Tân Tiến, huyện Bù Đốp	64			64					63	63		
<b>XII</b>	<b>Huyện Bù Gia Mập</b>	<b>111.925</b>	-	-	<b>60.796</b>	<b>21.129</b>	<b>30.000</b>	-	-	<b>111.362</b>	<b>111.362</b>	<b>99,5</b>	
	<b>Dự án khởi công mới</b>	<b>70.000</b>	-	-	<b>21.000</b>	<b>19.000</b>	<b>30.000</b>	-	-	<b>69.445</b>	<b>69.445</b>	<b>99,2</b>	
1	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.760 từ ngã tư ĐT.741 đến cầu Đăk Ó (Tuyến 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ ĐT.741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyến 2)	30.000					30.000			30.000	30.000		
2	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện Bù Gia Mập	11.000			11.000					11.000	11.000		
3	Xây dựng trường tiểu học Hoàng Diệu xã Phú Nghĩa	19.000				19.000				19.000	19.000		
4	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	10.000			10.000					9.445	9.445		
	<b>Dự án khởi công mới</b>	<b>39.000</b>	-	-	<b>39.000</b>	-	-	-	-	<b>38.996</b>	<b>38.996</b>	<b>100</b>	
5	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH từ xã Đa Kìa qua xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	18.000			18.000					18.000	18.000		
6	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14c)	21.000			21.000					20.996	20.996		
	<b>Tất toán các công trình quyết toán</b>	<b>2.925</b>	-	-	<b>796</b>	<b>2.129</b>	-	-	-	<b>2.921</b>	<b>2.921</b>		
7	Trường Mẫu giáo Phú Nghĩa, huyện Bù Gia Mập	796			796					796	796		
8	Cầu bắc qua sông Bé trên đường ĐT.760 nối dài	2.129				2.129				2.125	2.125		
<b>XIII</b>	<b>Huyện Phú Riềng</b>	<b>130.000</b>	-	-	<b>130.000</b>	-	-	-	-	<b>80.750</b>	<b>80.750</b>	<b>62,1</b>	
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>106.000</b>	-	-	<b>106.000</b>	-	-	-	-	<b>65.337</b>	<b>65.337</b>	<b>61,6</b>	
1	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	1.000			1.000					337	337		
2	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	55.000			55.000					55.000	55.000		
3	Xây dựng đường kết nối từ Bù Nho đi Phước Tân qua THCS huyện Phú Riềng hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng Hớn Quản	30.000			30.000					10.000	10.000		
4	Xây dựng cầu Long Tân-Tân Hưng kết nối 2 huyện Phú Riềng và Hớn Quản	20.000			20.000					-	-		
	<b>Dự án khởi công mới</b>	<b>24.000</b>	-	-	<b>24.000</b>	-	-	-	-	<b>15.413</b>	<b>15.413</b>	<b>64</b>	
5	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường ĐT 759	8.000			8.000					7.413	7.413		
6	Xây dựng đường liên huyện Phú Riềng (xã Long Bình) - Bù Gia Mập (xã Bình Thắng)	8.000			8.000					8.000	8.000		

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh giữa năm 2022							Thực hiện giải ngân 11 tháng đầu năm 2022			Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó:						Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ		
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương					ODA
7	Xây dựng kết nối đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hớn Quản)	8.000			8.000					-			
<b>XIV</b>	<b>Bộ chỉ huy quân sự tỉnh</b>	<b>15.000</b>	-	-	<b>15.000</b>	-	-	-	-	<b>10.858</b>	<b>10.858</b>	<b>72,4</b>	
	<b>Dự án khởi công mới</b>	<b>15.000</b>	-	-	<b>15.000</b>	-	-	-	-	<b>10.858</b>	<b>10.858</b>	<b>72,4</b>	
1	Xây dựng trụ sở làm việc của Ban CHQS thị xã Phước Long	15.000			15.000					10.858	10.858		
<b>XV</b>	<b>Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh</b>	<b>53.932</b>	<b>53.200</b>	-	<b>732</b>	-	-	-	-	<b>36.961</b>	<b>36.961</b>	<b>69</b>	
	<b>Dự án khởi công mới</b>	<b>53.200</b>	<b>53.200</b>	-	-	-	-	-	-	<b>36.572</b>	<b>36.572</b>	<b>69</b>	
1	Xây dựng đường vào các đồn biên phòng: Đắc O huyện Bù Gia Mập; Phước Thiện huyện Bù Đốp; Lộc An huyện Lộc Ninh; Lộc thiện huyện Lộc Ninh đi đường tuần tra biên giới	53.200	53.200							36.572	36.572		
	<b>Tất toán các công trình quyết toán</b>	<b>732</b>	-	-	<b>732</b>	-	-	-	-	<b>389</b>	<b>389</b>		
2	Đường nhựa giao thông biên giới (tuyến Hoa Lư - Chiu Riu và Lộc Thiện - Tà Nôt) huyện Lộc Ninh (đoạn 1 tuyến Hoa Lư - Chiu Riu)	732			732					389	389		
<b>XVI</b>	<b>Công an tỉnh</b>	<b>24.800</b>	-	-	<b>24.800</b>	-	-	-	-	<b>16.315</b>	<b>16.315</b>	<b>65,8</b>	
	<b>Dự án chuyển tiếp</b>	<b>14.800</b>	-	-	<b>14.800</b>	-	-	-	-	<b>8.327</b>	<b>8.327</b>	<b>56,3</b>	
1	Xây dựng phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh	8.000			8.000					5.814	5.814		
2	Đội cảnh sát PCCC&CNCH khu vực huyện Bù Đăng	6.800			6.800					2.513	2.513		
	<b>Dự án khởi công mới</b>	<b>10.000</b>	-	-	<b>10.000</b>	-	-	-	-	<b>7.988</b>	<b>7.988</b>	<b>79,9</b>	
3	Xây dựng Hội trường 400 chỗ Công an tỉnh	10.000			10.000					7.988	7.988		
<b>XVII</b>	<b>Sở Y tế</b>	<b>40.000</b>	-	-	-	<b>40.000</b>	-	-	-	-	-	-	
	<b>Dự án khởi công mới</b>	<b>40.000</b>	-	-	-	<b>40.000</b>	-	-	-	-	-	-	
1	Đầu tư trang thiết bị y tế khám chữa bệnh và phẫu thuật từ xa	40.000				40.000				-	-		
<b>XVIII</b>	<b>Vốn lập quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật quy hoạch</b>	<b>32.497</b>		<b>32.497</b>						<b>11.549</b>	<b>11.549</b>	<b>35,5</b>	
<b>XIX</b>	<b>Đài PTH tỉnh</b>	<b>88.500</b>	-	<b>83.000</b>	<b>5.500</b>	-	-	-	-	<b>60.814</b>	<b>60.814</b>	<b>68,7</b>	
	<b>Dự án khởi chuyển tiếp</b>	<b>48.500</b>	-	<b>43.000</b>	<b>5.500</b>	-	-	-	-	<b>48.374</b>	<b>48.374</b>	<b>99,7</b>	
1	Hệ thống sản xuất chương trình phát thanh và tổng khống chế truyền dẫn	22.000		22.000						21.917	21.917		
2	Hệ thống sản xuất truyền hình và lưu trữ trung tâm	26.500		21.000	5.500					26.457	26.457		
	<b>Dự án khởi công mới</b>	<b>40.000</b>	-	<b>40.000</b>	-	-	-	-	-	<b>12.440</b>	<b>12.440</b>	<b>31,1</b>	
3	Hiện đại hóa hệ thống sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình tỉnh Bình Phước	40.000		40.000						12.440	12.440		
<b>XX</b>	<b>Sở Xây dựng</b>	<b>70.600</b>	-	-	<b>70.600</b>	-	-	-	-	<b>50.000</b>	<b>50.000</b>	<b>70,8</b>	
	<b>Dự án khởi chuyển tiếp</b>	<b>70.600</b>	-	-	<b>70.600</b>	-	-	-	-	<b>50.000</b>	<b>50.000</b>	<b>70,8</b>	
1	Hạ tầng khu tái định cư Lâm viên và KDC Phú Thịnh giai đoạn 2 phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài	70.600			70.600					50.000	50.000		
<b>XXI</b>	<b>Sở Thông tin và Truyền thông</b>	<b>30.000</b>	-	-	-	<b>30.000</b>	-	-	-	<b>29.122</b>	<b>29.122</b>	<b>97,1</b>	
	<b>Dự án khởi công mới</b>	<b>30.000</b>	-	-	-	<b>30.000</b>	-	-	-	<b>29.122</b>	<b>29.122</b>	<b>97,1</b>	
1	Đầu tư hệ thống loa thông minh cho các xã, phường, thị trấn	30.000				30.000				29.122	29.122		
<b>XXII</b>	<b>Chi cục Kiểm lâm</b>	<b>10.000</b>	-	-	<b>10.000</b>	-	-	-	-	<b>600</b>	<b>600</b>	<b>6,0</b>	
	<b>Dự án khởi công mới</b>	<b>10.000</b>	-	-	<b>10.000</b>	-	-	-	-	<b>600</b>	<b>600</b>	<b>6,0</b>	

STT	Dan h mục dự án	Kế hoạch vốn điều chỉnh giữa năm 2022							Thực hiện giải ngân 11 tháng đầu năm 2022			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:						Khối lượng	Giải ngân	Tỷ lệ	
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương				
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển lâm nghiệp bền vững	10.000			10.000				600	600		
<b>XXIII</b>	<b>Liên minh hợp tác xã tỉnh</b>	<b>10.052</b>	<b>45</b>	<b>-</b>	<b>10.007</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>	<b>99,5</b>	
1	Bổ sung thêm vốn điều lệ phát triển hợp tác xã	10.000			10.000				10.000	10.000		
2	Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	52	45		7							
<b>XXIV</b>	<b>Văn phòng điều phối chương trình MTQG xây dựng NTM</b>	<b>265</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>265</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>265</b>	<b>264</b>	<b>100</b>	
	<b>Tất toán các công trình quyết toán</b>	<b>265</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>265</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>265</b>	<b>265</b>		
1	Mua xi măng thực hiện xây dựng đường giao thông nông thôn theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2019	265			265				265	265		
<b>XXV</b>	<b>Sở Giao thông vận tải</b>	<b>21.273</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>21.273</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
	<b>Tất toán các công trình quyết toán</b>	<b>21.273</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>21.273</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Nâng cấp mở rộng đường Lộc Tấn- Bù Đốp, đoạn từ xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh đến xã Tân Tiến, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước dài 8,2km ( từ km16+000 đến km 24+200) theo hình thức BT	21.273				21.273						
<b>XXVI</b>	<b>Ban Quản lý khu kinh tế</b>	<b>13.994</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.422</b>	<b>12.572</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>13.944</b>	<b>99,6</b>	
	<b>Tất toán các công trình quyết toán</b>	<b>13.994</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.422</b>	<b>12.572</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>13.944</b>	<b>99,6</b>	
1	Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng Khu đô thị mới Tiến Hưng diện tích 92,958 ha	13.994			1.422	12.572				13.944		
<b>XXVII</b>	<b>Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</b>	<b>599</b>	<b>521</b>	<b>-</b>	<b>78</b>							
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	599	521		78							
<b>XXVIII</b>	<b>Ban Dân tộc</b>	<b>652</b>	<b>567</b>	<b>-</b>	<b>85</b>							
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	652	567		85							
<b>XIX</b>	<b>Tỉnh đoàn</b>	<b>51</b>	<b>45</b>	<b>-</b>	<b>6</b>							
	Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	51	45		6							
<b>XIIX</b>	<b>Sở Lao động, Thương binh và xã hội</b>	<b>613</b>	<b>613</b>									
<b>C</b>	<b>Văn phòng điều phối chương trình MTQG xây dựng NTM</b>	<b>183.394</b>			<b>182.600</b>	<b>794</b>			<b>124.586</b>	<b>124.586</b>	<b>68</b>	
1	Trả nợ xi măng năm 2021	93.750			93.750				93.578	93.578		
2	Mua sắm tập trung xi măng 2022	89.644			88.850	794			31.008	31.008		
<b>D</b>	<b>Chương trình MTQG phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</b>	<b>14.003</b>	<b>12.730</b>		<b>1.273</b>							